TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/DS-ST
Ngày: 18 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc T**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Sơn M**

2. Ông **Nguyễn Hữu T**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ứng Văn T** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2024/QĐST-DS, ngày 26/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị C**, sinh năm: 1955

Địa chỉ: Số H, khu tái định cư V, Khu vực 3-SH, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Công ty L (Theo giấy ủy quyền ngày 15/12/2023)

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Lê Thị Ngọc D**, sinh năm: 1983 - Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số B, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền lại của Công ty L:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1999. Vắng mặt.

2. Ông Thái Trung N, sinh năm: 1981. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Thái V, sinh năm: 1998. Vắng mặt.

4. Ông Dương Minh P, sinh năm 2000. Vắng mặt.

5. Bà **Võ Ngọc N1**, sinh năm 2001. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số B, đường N, phường A, quân N, thành phố Cần Thơ. (Theo Văn bản ủy quyên số: 09/UQ ngày 19/6/2023).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim Á**, sinh năm 1986 Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 14/6/2023 và qua quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị C trình bày: Vào ngày 18/03/2021, bà có cho bà Nguyễn Thị Kim Á vay mượn với số tiền là 250.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho việc vay mượn tiền thì có giữ của bà Á tài sản là phần nhà và đất được bà B (nay đã mất) là mẹ bà Á tặng cho bà với diện tích là 52m^2, bà Á đã cầm cố phần đất đó cho bà mục đích để đảm bảo cho việc vay tiền của bà.

Khoảng vay trên, có thời hạn là 06 tháng kể từ ngày vay, phía người vay phải trả dứt số tiền trên và các bên giao lại những gì đã nhận, thế nhưng phía bên vay mượn không thực hiện đúng như đã thỏa thuận.

Đến nay, phần mà bà Á nợ bà số tiền 250.000.000 đồng vẫn chưa trả và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà.

Nay bà C yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Kim Á có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền là 354.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi bốn triệu đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả là 104.000.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu đồng), lãi được tính là 1,6%/tháng, giá trị trên tạm tính từ ngày 18/03/2021 đến ngày 25/05/2023.

* Tại phiên tòa, bà Nguyễn Ngọc N2 đại diện ủy quyền của nguyên đơn Trần Thị C trình bày: Vào ngày 18/3/2021 bà Trần Thị C có cho bà Nguyễn Thị Kim Á vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, có làm biên nhận về việc giao nhận tiền, có lập vi bằng về việc giao nhận tiền, lãi suất tự thỏa thuận.

Nay bà C yêu cầu bà Kim Á phải trả số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng. Về lãi suất, bà C xin thay đổi là tính lãi suất kể từ ngày thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 0.83%/tháng. Riêng vấn đề cầm cố tài sản là thửa đất bà

giữa bà C và bà Á thì bà C chỉ trình bày ra chứ không có yêu cầu xử lý đối với phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng

Tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt không rõ lý do, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì. Do đó, căn cứ theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì việc vắng mặt của các đương sự là không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim C1 về việc đòi bà Nguyễn Kim Á trả số tiền vay 250.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Theo Vi bằng số 27/2021/VL-TPL, ngày 18/3/2021 của Văn phòng T1 Nguyễn Quốc T ghi nhận: Thể hiện việc bà Nguyễn Thị Kim Á có mượn của bà Trần Kim C1 số tiền 250.000.000 đồng, kèm theo vi bằng là Giấy biên nhận tiền ngày 18/3/2021 giữa bà Trần Thị C với bà Nguyễn Thị Kim Á.

Tại Giấy biên nhận tiền ngày 18/3/2021 thể hiện bà Kim Á có nhận của bà C số tiền 250.000.000 đồng. Từ đó cho thấy, việc bà Nguyễn Thị Kim Á có vay tiền của bà Trần Thị C với số tiền 250.000.000 đồng là có thật.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Kim Á rất nhiều lần nhưng bà vẫn không tham gia và cũng không có văn bản nào trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim C1. Cho nên bà đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C là có cơ sở để chấp nhận, nên buộc bà Nguyễn Thị Kim Á phải trả cho bà Trần Kim C1 số tiền 250.000.000 đồng.

2.2. Về lãi suất.

Tại giấy biên nhận tiền ngày 18/3/2021 không có thể hiện việc thỏa thuận thời hạn cho vay và cũng không thể lãi suất cho vay, nên việc bà Trần Kim C1 yêu cầu tính mức lãi suất 1.6%/tháng và tính kể từ ngày 18/3/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Ngọc N2 xin thay đổi yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Từ đó, Hội đồng xét xử xác định như sau, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì thời hạn vay được tính kể từ ngày thụ lý vụ án ngày 04/7/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/9/2024, bằng thời gian 14 tháng 14 ngày, với mức lãi suất 0.83%/tháng, tương đương số tiền làm tròn 30.018.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim Á phải tiếp tục chịu lãi chậm trả theo quy định kể từ ngày 19/9/2024 cho đến khi bà Á trả xong nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Kim Á phải nộp số tiền làm tròn 14.001.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 5; 35; 39; 147; Điều 244; khoản 2 Điều 227; 228; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

- Các Điều 463; 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Á phải trả cho bà Trần Thị C số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về lãi suất:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Á phải trả cho bà Trần Thị C số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 18/9/2024, bằng số tiền làm tròn 30.018.000 đồng (Ba mươi triệu, không trăm mười tám nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim Á phải tiếp tục chịu lãi chậm trả theo quy định kể từ ngày 19/9/2024 cho đến khi bà Á trả xong nợ.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Kim Á phải nộp số tiền làm tròn 14.001.000 đồng (Mười bốn triệu, không trăm lẻ một nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL: 01;
- VKSND TXBM: 01;
- Chi cục THADS TXBM: 01;
- Đương sự: 06;
- Lưu: 10.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc T